

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Trần Thanh Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Khúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đoàn Thanh T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Số D, khóm A, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Đỗ Đình B, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt; ông Đình B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đoàn Thanh T trình bày:

Vào tháng 02 năm 2023, ông Đỗ Đình B có thuê ông vận hành máy bay nông nghiệp phục vụ canh tác lúa, tiền công tính theo diện tích phun, cụ thể: Rải giống 169 ha x 100.000 đồng/ha = 16.900.000 đồng; Phun thuốc 489 ha x 25.000 đồng/ha = 12.225.000 đồng; Rải phân 319 bao x 15.000 đồng/bao = 4.785.000 đồng.

Tổng số tiền công tính đến ngày 04/05/2023 là 33.910.000 đồng. Ông Đỗ Đình B có trả cho tôi được 25.000.000 đồng. Còn nợ lại 8.910.000đ (Tám triệu, chín trăm mười ngàn đồng).

Ngày 05/05/2023, chuyển sang làm tính theo lương tháng là 20.000.000 đồng/tháng. Ông làm đến ngày 09/06/2023 là 01 tháng 05 ngày với tổng số tiền công là: 23.300.000 đồng. Ông Đỗ Đình B có trả cho ông được 13.500.000 đồng, còn nợ lại 9.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Đoàn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Đình Ba p trả cho ông số tiền 18.710.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Đỗ Đình B vắng mặt nhưng có lời khai trình bày:

Vào khoảng giữa tháng 11/2022, ông có thuê anh Đoàn Thanh T vận hành máy bay phun thuốc, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có làm hợp đồng lao động. Đến tháng 6/2023, thì ông T nghỉ làm và ông còn nợ lại anh T số tiền công tháng 5/2023 là 10.000.000 đồng.

Theo thoả thuận nếu sạ lúa bị lỗi do người vận hành máy bay thì ông sẽ không trả tiền công. Trong tháng 04/2023, ông T vận hành máy bay sạ lúa bị lỗi nên chủ ruộng không thanh toán tiền cho ông, nhưng trước đó ông đã chuyển khoản cho ông T số tiền 18.500.000 đồng, tiền sạ lúa bị lỗi 9.000.000 đồng. Tháng 4/2023, ông T chạy xe gây tai nạn, ông có cho ông T ứng số tiền 7.000.000 đồng. Đồng thời, theo thoả thuận thì ông T làm công cho ông nếu ông T không chở máy bay được thì ông thuê người để chở và ông T phải trừ tiền lương mỗi ngày 100.000 đồng để ông trả tiền thuê chở máy bay. Trong thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 ông đã thuê người chở 65 ngày x 100.000 đồng/ngày = 6.500.000 đồng. Như vậy ông T đã nợ ông tổng số tiền 22.500.000 đồng.

Trừ số tiền lương tháng 5/2023 thì ông T còn nợ lại ông số tiền 12.500.000 đồng (22.500.000 đồng - 10.000.000 đồng = 12.500.000 đồng).

Nay ông không đồng ý trả cho ông T số tiền 18.710.000 đồng. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông Đoàn Thanh T yêu cầu ông Đỗ Đình Ba p trả cho ông số tiền công là 18.710.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận một phần vì: căn cứ vào sự thừa nhận của ông B tháng 6/2023 khi ông T nghỉ làm thì ông B còn nợ ông T số tiền công tháng 5/2023 là 10.000.000 đồng, ông B cho rằng ông T còn nợ ông B số tiền 22.500.000 đồng do sạ lúa bị lỗi 9.000.000 đồng và ứng tiền chạy xe gây tai nạn 7.000.000 đồng, trừ tiền lương để trả tiền thuê máy bay 6.500.000 đồng, nhưng ông T không thừa nhận và ông B không có căn cứ chứng minh nên ông Ba p trả cho ông T số tiền nợ tiền công tháng 5/2023 là 10.000.000 đồng. Ông T yêu cầu ông Ba phải trả tổng cộng 18.710.000 đồng nhưng ông Ba chỉ thừa nhận còn nợ ông T 10.000.000 đồng và ông T cũng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của ông nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Ba p trả số tiền nợ tiền công còn lại là 10.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của ông T có căn cứ chấp nhận một phần theo quy định tại các Điều 513, 515, 518, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông **Đỗ Đình B** có địa chỉ tại **ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông **Đình B** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông **Đình B** nhưng ông **Đình B** vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông **Đỗ Đình B** thừa nhận còn nợ ông **T** số tiền 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Ông **Đỗ Đình B** trình bày ông **T** còn nợ ông số tiền 12.500.000 đồng nhưng ông **Đ** Ba không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[2.3] Ông **Đoàn Thanh T** yêu cầu ông **Đỗ Đình Ba p** trả số tiền 18.710.000 đồng là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi vì: Giữa ông **T** và ông **Đình B** không có thỏa thuận làm hợp đồng dịch vụ cụ thể, các bên chỉ trao đổi miệng với nhau. Các chứng cứ ông **T** cung cấp không thể hiện được số tiền cụ thể ông **Đình B** nợ hoặc có chữ ký của ông **Đình B** xác nhận. Tại bút lục số 37 thể hiện ông **Đình B** nợ ông **T** tiền công tháng 5, 6 là 13.300.000 đồng, ông **Đình B** cho rằng đã trả cho ông **T** 3.500.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng (9.800.000 đồng làm tròn thành 10.000.000 đồng) và ông **T** cũng thừa nhận. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **T** yêu cầu ông **Đình B** trả số tiền 10.000.000 đồng.

[2.4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông **Đỗ Đình Ba p** chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông **T**.

Ông **Đoàn Thanh T** phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 513, 514, 515, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thanh T đối với ông Đỗ Đình B về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”.

Ông Đỗ Đình B có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Thanh T số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Đỗ Đình Ba p chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Thanh T phải chịu 435.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 470.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai số 0001366 ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Ông T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 34.500 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; **(Đã ký)**
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Dũng